

Điều 2. Mật độ chăn nuôi

Mật độ chăn nuôi bình quân trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2030 tối đa không quá 2,0 đơn vị vật nuôi (ĐVN)/01 ha đất nông nghiệp. Căn cứ điều kiện thực tế về quỹ đất nông nghiệp, môi trường và định hướng phát triển chăn nuôi, mật độ chăn nuôi tối đa tại các xã, phường, đặc khu có hoạt động chăn nuôi được quy định cụ thể như sau:

1. Phường Tân Tạo: tối đa không quá 0,3 ĐVN/01 ha đất nông nghiệp;
2. Phường Bình Quới: tối đa không quá 0,9 ĐVN/01 ha đất nông nghiệp;
3. Phường Bình Trưng: tối đa không quá 0,4 ĐVN/01 ha đất nông nghiệp;
4. Phường Cát Lái: tối đa không quá 0,2 ĐVN/01 ha đất nông nghiệp;
5. Phường Long Bình: tối đa không quá 0,3 ĐVN/01 ha đất nông nghiệp;
6. Phường Long Phước: tối đa không quá 0,2 ĐVN/01 ha đất nông nghiệp;
7. Phường Long Trường: tối đa không quá 0,4 ĐVN/01 ha đất nông nghiệp;
8. Phường Tam Bình: tối đa không quá 0,7 ĐVN/01 ha đất nông nghiệp;
9. Phường Tăng Nhơn Phú: tối đa không quá 0,7 ĐVN/01 ha đất nông nghiệp;
10. Xã Bình Lợi: tối đa không quá 0,2 ĐVN/01 ha đất nông nghiệp;
11. Xã Tân Nhựt: tối đa không quá 0,3 ĐVN/01 ha đất nông nghiệp;
12. Xã Tân Vĩnh Lộc: tối đa không quá 1,9 ĐVN/01 ha đất nông nghiệp;
13. Xã Vĩnh Lộc: tối đa không quá 1,1 ĐVN/01 ha đất nông nghiệp;
14. Xã An Nhơn Tây: tối đa không quá 2,6 ĐVN/01 ha đất nông nghiệp;
15. Xã Bình Mỹ: tối đa không quá 1,8 ĐVN/01 ha đất nông nghiệp;
16. Xã Củ Chi: tối đa không quá 1,2 ĐVN/01 ha đất nông nghiệp;
17. Xã Nhuận Đức: tối đa không quá 1,8 ĐVN/01 ha đất nông nghiệp;
18. Xã Phú Hòa Đông: tối đa không quá 3,0 ĐVN/01 ha đất nông nghiệp;
19. Xã Tân An Hội: tối đa không quá 1,2 ĐVN/01 ha đất nông nghiệp;
20. Xã Thái Mỹ: tối đa không quá 2,0 ĐVN/01 ha đất nông nghiệp;
21. Xã Bà Điểm: tối đa không quá 2,0 ĐVN/01 ha đất nông nghiệp;
22. Xã Đông Thạnh: tối đa không quá 2,2 ĐVN/01 ha đất nông nghiệp;
23. Xã Hóc Môn: tối đa không quá 1,2 ĐVN/01 ha đất nông nghiệp;
24. Xã Xuân Thới Sơn: tối đa không quá 1,0 ĐVN/01 ha đất nông nghiệp;
25. Phường Thới An: tối đa không quá 0,3 ĐVN/01 ha đất nông nghiệp;
26. Xã Bình Chánh: tối đa không quá 0,5 ĐVN/01 ha đất nông nghiệp;
27. Xã Bình Hưng: tối đa không quá 0,3 ĐVN/01 ha đất nông nghiệp;

28. Xã Hưng Long: tối đa không quá 0,3 ĐVN/01 ha đất nông nghiệp;
29. Xã An Thới Đông: tối đa không quá 0,3 ĐVN/01 ha đất nông nghiệp;
30. Xã Bình Khánh: tối đa không quá 0,2 ĐVN/01 ha đất nông nghiệp;
31. Xã Cần Giờ: tối đa không quá 0,2 ĐVN/01 ha đất nông nghiệp;
32. Xã Hiệp Phước: tối đa không quá 0,3 ĐVN/01 ha đất nông nghiệp;
33. Xã Nhà Bè: tối đa không quá 0,4 ĐVN/01 ha đất nông nghiệp;
34. Phường Bến Cát: tối đa không quá 0,5 ĐVN/01 ha đất nông nghiệp;
35. Phường Hòa Lợi: tối đa không quá 0,3 ĐVN/01 ha đất nông nghiệp;
36. Phường Long Nguyên: tối đa không quá 2,8 ĐVN/01 ha đất nông nghiệp;
37. Phường Phú An: tối đa không quá 0,3 ĐVN/01 ha đất nông nghiệp;
38. Phường Bình Cơ: tối đa không quá 0,4 ĐVN/01 ha đất nông nghiệp;
39. Phường Bình Dương: tối đa không quá 0,8 ĐVN/01 ha đất nông nghiệp;
40. Phường Chánh Hiệp: tối đa không quá 0,3 ĐVN/01 ha đất nông nghiệp;
41. Xã Bắc Tân Uyên: tối đa không quá 0,8 ĐVN/01 ha đất nông nghiệp;
42. Xã Bàu Bàng: tối đa không quá 0,5 ĐVN/01 ha đất nông nghiệp;
43. Xã Trù Văn Thố: tối đa không quá 3,8 ĐVN/01 ha đất nông nghiệp;
44. Xã Thanh An: tối đa không quá 0,9 ĐVN/01 ha đất nông nghiệp;
45. Xã An Long: tối đa không quá 3,4 ĐVN/01 ha đất nông nghiệp;
46. Phường Chánh Phú Hòa: tối đa không quá 0,3 ĐVN/01 ha đất nông nghiệp;
47. Phường Tân Đông Hiệp: tối đa không quá 1,1 ĐVN/01 ha đất nông nghiệp;
48. Phường Tân Hiệp: tối đa không quá 0,3 ĐVN/01 ha đất nông nghiệp;
49. Phường Tân Khánh: tối đa không quá 0,5 ĐVN/01 ha đất nông nghiệp;
50. Phường Vĩnh Tân: tối đa không quá 0,3 ĐVN/01 ha đất nông nghiệp;
51. Phường Phú Lợi: tối đa không quá 0,4 ĐVN/01 ha đất nông nghiệp;
52. Xã Thường Tân: tối đa không quá 1,0 ĐVN/01 ha đất nông nghiệp;
53. Xã Dầu Tiếng: tối đa không quá 0,7 ĐVN/01 ha đất nông nghiệp;
54. Xã Long Hòa: tối đa không quá 2,7 ĐVN/01 ha đất nông nghiệp;
55. Xã Minh Thạnh: tối đa không quá 2,7 ĐVN/01 ha đất nông nghiệp;
56. Xã Phú Giáo: tối đa không quá 3,0 ĐVN/01 ha đất nông nghiệp;
57. Xã Phước Hòa: tối đa không quá 4,0 ĐVN/01 ha đất nông nghiệp;
58. Xã Phước Thành: tối đa không quá 3,0 ĐVN/01 ha đất nông nghiệp;
59. Phường Tây Nam: tối đa không quá 0,4 ĐVN/01 ha đất nông nghiệp;
60. Phường Tân Uyên: tối đa không quá 0,3 ĐVN/01 ha đất nông nghiệp;

61. Phường Phước Thắng: tối đa không quá 0,3 ĐVN/01 ha đất nông nghiệp;
62. Xã Long Sơn: tối đa không quá 0,1 ĐVN/01 ha đất nông nghiệp;
63. Phường Phú Mỹ: tối đa không quá 0,4 ĐVN/01 ha đất nông nghiệp;
64. Phường Tân Thành: tối đa không quá 3,0 ĐVN/01 ha đất nông nghiệp;
65. Phường Tân Phước: tối đa không quá 0,3 ĐVN/01 ha đất nông nghiệp;
66. Phường Tân Hải: tối đa không quá 0,2 ĐVN/01 ha đất nông nghiệp;
67. Xã Châu Pha: tối đa không quá 0,8 ĐVN/01 ha đất nông nghiệp;
68. Phường Long Hương: tối đa không quá 0,2 ĐVN/01 ha đất nông nghiệp;
69. Phường Tam Long: tối đa không quá 0,7 ĐVN/01 ha đất nông nghiệp;
70. Xã Ngãi Giao: tối đa không quá 1,1 ĐVN/01 ha đất nông nghiệp;
71. Xã Bình Giã: tối đa không quá 1,0 ĐVN/01 ha đất nông nghiệp;
72. Xã Kim Long: tối đa không quá 0,9 ĐVN/01 ha đất nông nghiệp;
73. Xã Châu Đức: tối đa không quá 1,2 ĐVN/01 ha đất nông nghiệp;
74. Xã Xuân Sơn: tối đa không quá 2,6 ĐVN/01 ha đất nông nghiệp;
75. Xã Nghĩa Thành: tối đa không quá 1,0 ĐVN/01 ha đất nông nghiệp;
76. Xã Đất Đỏ: tối đa không quá 0,8 ĐVN/01 ha đất nông nghiệp;
77. Xã Long Hải: tối đa không quá 0,4 ĐVN/01 ha đất nông nghiệp;
78. Xã Long Điền: tối đa không quá 0,5 ĐVN/01 ha đất nông nghiệp;
79. Xã Phước Hải: tối đa không quá 2,4 ĐVN/01 ha đất nông nghiệp;
80. Xã Hồ Tràm: tối đa không quá 2,1 ĐVN/01 ha đất nông nghiệp;
81. Xã Xuyên Mộc: tối đa không quá 3,7 ĐVN/01 ha đất nông nghiệp;
82. Xã Hòa Hội: tối đa không quá 1,7 ĐVN/01 ha đất nông nghiệp;
83. Xã Bàu Lâm: tối đa không quá 0,8 ĐVN/01 ha đất nông nghiệp;
84. Xã Bình Châu: tối đa không quá 0,3 ĐVN/01 ha đất nông nghiệp;
85. Xã Hòa Hiệp: tối đa không quá 0,8 ĐVN/01 ha đất nông nghiệp;
86. Đặc khu Côn Đảo: tối đa không quá 0,1 ĐVN/01 ha đất nông nghiệp;
87. Phường Linh Xuân: tối đa không quá 2,8 ĐVN/01 ha đất nông nghiệp;
88. Phường An Phú Đông: tối đa không quá 0,7 ĐVN/01 ha đất nông nghiệp;
89. Phường Tân Thới Hiệp: tối đa không quá 1,0 ĐVN/01 ha đất nông nghiệp;
90. Phường Thới Hòa: tối đa không quá 0,4 ĐVN/01 ha đất nông nghiệp;
91. Phường Bình Hòa: tối đa không quá 0,5 ĐVN/01 ha đất nông nghiệp;
92. Phường An Phú: tối đa không quá 0,2 ĐVN/01 ha đất nông nghiệp;
93. Phường Thuận An: tối đa không quá 0,4 ĐVN/01 ha đất nông nghiệp;

94. Phường Lái Thiêu: tối đa không quá 0,2 ĐVN/01 ha đất nông nghiệp.